

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PǺH
- TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số **04** /2018/HNGĐ-ST

Ngày 06-03-2018

V/v tranh chấp ly hôn, chia tài sản, nợ chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PǺH, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Nguyên

2. Bà Cao Thị Bích Hương

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Hà Văn Sáng - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư PǺh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Liệu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 /03/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư PǺh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình đã thụ lý số **39**/2017/TLST-HNGĐ ngày 20/4/2017 về “Tranh chấp ly hôn và chia tài sản, nợ chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16/01/2018 và Thông báo mở lại phiên tòa số 01/2018/TB-TA ngày 28/02/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn 4, thị trấn Phú Hòa, huyện Chư PǺh, tỉnh Gia Lai. (có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn 4, thị trấn Phú Hòa, huyện Chư PǺh, tỉnh Gia Lai. (có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Ngân hàng chính sách xã hội.

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Bùi Thị Bích Á - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Chư PǺh, chi nhánh NHCSXH tỉnh Gia Lai (Theo Giấy ủy quyền số 1401/ QĐ- NHCS ngày 16/4/2012).

Địa chỉ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Chư PǺh : 163 Hùng Vương, thị trấn Phú Hòa, huyện Chư PǺh, tỉnh Gia Lai. (vắng mặt)

2/ Bà Phạm Thị B, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Xóm 1, xã Trảng Đà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Anh *Phạm Văn P*, sinh năm 1982, địa chỉ: tổ dân phố 3, thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai là người đại diện theo ủy quyền Giấy ủy quyền ngày 06/06/2017. (có mặt)

3/Nguyễn Thị Thùy D – sinh ngày 11/03/1997.

Địa chỉ: Thôn 4, thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. (vắng mặt)

4/Nguyễn Thị Lương X – Sinh ngày 13/05/1999.

Địa chỉ: Thôn 4, thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. (có mặt)

5/Chị Lê Thị T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: 727 Phạm Văn Đồng, thành phố Plei Ku, tỉnh Gia Lai.(có mặt)

6/Chị Phan Ngọc L, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ 7, Phường Yên Thế, thành phố Plei Ku, tỉnh Gia Lai (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong Đơn khởi kiện ngày 13/4/2017; tại các bản tự khai, các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên Toà, nguyên đơn chị **Phạm Thị L** trình bày:*

- **Về hôn nhân:** Chị L và anh C tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Ch S, huyện Ch S ngày 10/5/1996. Đến năm 2008 chị L, anh C đến sinh sống ở tại thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. Khoảng tháng 7/2016, chị L phát hiện anh C đã ngoại tình với người phụ nữ khác từ lâu. Vì tương lai các con chị L sẵn sàng bỏ qua tất cả, khuyên anh C quay về sống chung lo cho con nhưng anh C không chịu quay về và vẫn cứ chung sống với người phụ nữ kia như vợ chồng. Nay chị L thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết ly hôn đối với anh Nguyễn Văn C.

- **Về con chung:** Chị L và anh C có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Thùy D , sinh năm 1997 và Nguyễn Thị Lương X, sinh ngày 03/5/1999. Hai con đã thành niên và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân. Hiện 2 con chung đang ở với chị L nhưng chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung và nghĩa vụ chung:**

+ Về tài sản chung: Chúng tôi có 01 căn nhà cấp 4, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 255648 do UBND huyện Chư Păh cấp ngày 13/9/2004 đứng tên bà Tống Thị C, chuyển nhượng toàn bộ cho bà Phạm Thị và ông Nguyễn Văn C ngày 27/10/2005. Thửa đất này trị giá khoảng 100 triệu đồng, trên đất có căn nhà cấp 4, xây năm 2000, khoảng 70m², trị giá khoảng 120 triệu đồng. Tổng cộng tài sản tôi và anh C thỏa thuận trị giá 240.000.000 đồng. Chị L đề nghị chia theo pháp luật, vì mẹ con chị L đang ở căn nhà trên nên chị L nhận sử dụng và sở hữu căn nhà, chị L sẽ trả lại bằng tiền chênh lệch cho anh C (nếu có).

+ Về các khoản nợ:

1. Nợ bà Phạm Thị B, địa chỉ: Xóm 1, xã Tràng Đà, TP Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang số tiền 100 triệu đồng. Chị L yêu cầu mỗi người có trách nhiệm trả ½ số nợ trên cho chị B.

2. Nợ Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 11 triệu tiền gốc và tiền lãi (tính đến ngày 07/02/2018) chị L đã trả hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng chính sách xã hội rồi, chị L đề nghị trừ số nợ 11.000.000 đồng này vào tài sản chung .

3. Tiền nộp cho con học nghề là 70.000.000 đồng, tiền mua xe cho con là 61.500.000 đồng, đây là số tiền chị L vay của chị Lê Thị T và chị Phan Ngọc L để nộp và mua xe cho con, chị L yêu cầu anh C phải có trách nhiệm trả lại cho chị L số tiền 131.500.000 đồng này để chị L trả cho người cho vay tiền. Nhưng tại phiên tòa chị L rút yêu cầu buộc anh C phải trả cho chị 61.500.000 đồng. **Chị L và anh C thỏa thuận trừ 70.000.000 tiền cho con học nghề vào tài sản chung.**

Nợ anh Nguyễn Văn D, địa chỉ: Thôn Chư Hậu 5, xã Ia Yok, huyện Ia Grai số tiền là 100 triệu đồng nhưng anh C không đồng ý thì chị L có trách nhiệm sẽ trả cho anh D không buộc anh C trả. Chị L cũng không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Chị L chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Đối với án phí chia tài sản chung chị L đề nghị ai được nhận tài sản thì người đó phải chịu án phí về tài sản tương ứng với tài sản mà mình được nhận và án phí phần trả nợ theo quy định của pháp luật.

+ Trong các bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên Tòa, bị đơn **Anh Nguyễn Văn C** trình bày:

- **Về hôn nhân:** Tình trạng hôn nhân như chị L trình bày. Thời gian đầu, vợ chồng anh C, chị L sống rất hạnh phúc. Thời gian từ năm 2014 đến nay, anh C, chị L phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống không phù hợp nhau. Anh C cũng có quen và yêu một người phụ nữ khác bên ngoài. Nay chị Phạm Thị L khởi kiện xin ly hôn thì anh C đồng ý vì tình cảm vợ chồng cũng không còn nữa.

- **Về con chung:** Đúng như chị L trình bày. Hiện 2 con chung đang ở với cô L , các con đã thành niên và thể chất phát triển bình thường có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên anh C đồng ý với chị L không yêu cầu giải quyết nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Anh C đồng ý như chị L trình bày. Anh C, chị L có 01 căn nhà cấp 4, xây năm 2000, khoảng 70m², có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 255648 do UBND huyện Chư Păh cấp ngày 13/9/2004 đứng tên bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Văn C ngày 27/10/2005. Hai bên thống nhất giá trị tài sản chung này là 240.000.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi triệu đồng*), trừ 11.000.000 đồng tiền vay Ngân hàng chính sách mà chị L đã trả và 70.000.000 đồng tiền chị L đã vay cho con học nghề, còn lại 159.000.000 đồng anh C đề nghị chia đôi. Hiện tại các con và chị L đang ở căn nhà trên nên anh C đồng ý chị L sở hữu căn nhà và đất, chị L thanh toán lại bằng tiền 79.500.000 đồng cho anh C.

Về nợ chung:

- Anh C đồng ý nợ bà Phạm Thị B số tiền 100 triệu đồng. Anh C đồng ý trả 50.000.000 đồng nợ trên cho bà B.

- Khoản tiền nợ chị L vay để mua chiếc xe máy cho con (Lương X) 61.500.000 đồng thì cháu X đã thành niên nếu cháu có tiền thì có quyền mua sử dụng chứ anh C không đồng ý trả lại cho chị L khoản tiền này.

- Về án phí: Anh C nhất trí chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

+Ý kiến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.Theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập, trong biên bản hòa giải và tại phiên tòa, anh **Phạm Văn P-** Đại diện theo ủy quyền của bà **Phạm Thị B** trình bày:

Anh P đồng ý số tiền nợ như chị L khai, hiện nay anh C và chị L còn nợ bà B số tiền 100.000.000 đồng, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh C, chị L có trách nhiệm trả hết số tiền nợ trên cho bà B 01 lần. Bà B không yêu cầu tính lãi.

2. Theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập, trong biên bản hòa giải và tại phiên tòa, Bà **Bùi Thị Bích Á-** đại diện cho Ngân hàng chính sách xã hội trình bày:

Hộ gia đình chị Phạm Thị L có vay Ngân hàng chính sách xã hội 11.000.000 đồng vay vốn chương trình học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, trong quá trình chị L, anh C khởi kiện ly hôn và chia tài sản chung, Ngân hàng chính sách xã hội có tham gia tổ tụng với tư cách người có quyền lợi liên quan yêu cầu anh C, chị L trả nợ vay cho ngân hàng chính sách. Ngày 07/02/2018, chị Phạm Thị L đã trả hết số tiền nợ gốc và lãi vay cho Ngân hàng chính sách xã hội rồi, hiện nay hộ gia đình anh C, chị L không còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội. Vì vậy Ngân hàng chính sách xã hội xin rút yêu cầu khởi kiện đối với chị Phạm Thị L theo đơn khởi kiện ngày 08/9/2017 và xin không tham gia tố tụng tại Tòa án, xin vắng mặt tại phiên tòa.

3. **Nguyễn Thị Thùy D** trình bày tại các bản lời khai và hòa giải : Việc ly hôn của bố mẹ tôi thì tôi không ý kiến gì vì bố mẹ tôi đã mâu thuẫn với nhau lâu rồi. Về tài sản chung của bố mẹ tôi thì tôi không có đóng góp công sức gì vào khoản tài sản chung đó vì tôi con nhỏ và đi học. Bố mẹ tôi chia tài sản như thế nào tôi không liên quan và không có ý kiến gì.

4. **Nguyễn Thị Lương X** trình bày: Tôi là con của ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị L. Việc ly hôn của bố mẹ tôi thì tôi không ý kiến gì vì bố mẹ tôi đã mâu thuẫn với nhau lâu rồi. Về tài sản chung của bố mẹ tôi thì tôi không có đóng góp công sức gì vào khoản tài sản chung đó vì tôi con nhỏ và đi học. Bố mẹ tôi chia tài sản như thế nào tôi không liên quan và không có ý kiến gì. Tuy nhiên, khi tôi mua chiếc xe máy để phục vụ cho việc học tập thì tôi có hỏi ý kiến bố tôi và bố tôi đã đồng ý cho tôi vay tiền mua rồi, bây giờ trước Tòa án bố tôi lại không đồng ý tôi không biết thế nào, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật.

5. **Chị Lê Thị T và chị Phan Ngọc L** trình bày: Chị L có vay của chị T 70.000.000 đồng ngày 10/12/2016 với lãi suất 1%/tháng và chị Phan Ngọc L số tiền 60.000.000 đồng đúng như lời khai của chị L nhưng chị T và chị L đề nghị không yêu cầu chị Phạm Thị L trả nợ và giải quyết trong vụ án này nên không có ý kiến gì. Sau này nếu chị L không trả thì các chị khởi kiện bằng vụ án khác.

Ý kiến, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh về quá trình giải quyết vụ án:

I. VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG

1. Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

- Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Trong vụ án này nguyên đơn, bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện Chư Păh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

- Về quan hệ pháp luật: Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp về ly hôn và chia tài sản chung, thanh toán nợ chung*” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015.

- Xác định tư cách pháp lý người tham gia tố tụng trong vụ án: Tòa án nhân dân huyện Chư Păh xác định tư cách pháp lý của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS.

- Tòa án ban hành Thông báo thụ lý vụ án, gửi thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát và cho người tham gia tố tụng trong vụ án đúng quy định tại Điều 196 BLTTDS năm 2015.

+ Tòa án tiến hành các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo quy định của BLTTDS.

+ Về việc thu thập chứng cứ của Tòa án: Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thu nhập tình trạng hôn nhân và giá trị tài sản chung của nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định.

+ Về thời hạn xét xử: Tòa án đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn luật định.

+ Trong vụ án này, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ (xác minh) nên thuộc trường hợp Viện Kiểm sát phải tham gia phiên tòa quy định tại khoản 2, Điều 21 BLTTDS năm 2015. Tòa án đã gửi hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng theo khoản 2 Điều 220 BLTTDS năm 2015.

+ Về việc tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng của Tòa án đúng theo quy định pháp luật

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Tại phiên tòa ngày 06/02/2018, chị L yêu cầu anh C phải trả lại cho chị L khoản nợ vay để cho con học nghề và mua xe máy nhưng chị L chưa cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc vay tiền nên HĐXX quyết định dừng phiên tòa để thu thập tài liệu chứng cứ là đúng quy định.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

II. Ý KIẾN VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 55, 59, 33, 37, 60, 62 Luật HNGĐ năm 2014; Điều 280, 290 Bộ Luật Dân sự 2004; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 147 BLTTDS 2015, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận: đơn khởi kiện của chị Liễu

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị L và anh C
- Về con chung: Các con chung đã thành niên nên không đề cập trong vụ án này.
- Về tài sản chung và nợ chung:

+ Tài sản chung: 01 căn nhà làm trên thửa đất có diện tích 154m² tại thôn 4, TT. Phú Hòa, Chư Păh có GCN QSDĐ số AA255648 cấp cho bà Tổng Thị C, đã chuyển nhượng cho bà L và ông C ngày 27/10/2005. Trong đó, căn nhà có giá trị khoảng 140.000.000 đồng, thửa đất có giá trị khoảng 100.000.000 đồng. Tại các bản tự khai cũng như biên bản hòa giải bà L và ông C đều tự thỏa thuận về giá đất và nhà là 240.000.000. Ngôi nhà và đất chia đôi mỗi người hưởng một nửa. Chị L nhận nhà và đất có trách nhiệm hoàn trả tiền chênh lệch cho anh C.

+ Các khoản nợ chung: xác định các khoản nợ của Bà L và ông C trong thời kỳ hôn nhân là : Nợ bà B số tiền 100.000.000 đồng ; nợ Ngân hàng chính sách xã hội là 11.038.000 đồng, nợ tiền bảo lãnh và mua đồ nghề để cháu Nguyễn Thị Thùy D là 70.000.000 đồng. Tổng số nợ là 181,038.000 đồng số nợ này chia đôi ông C có trách nhiệm chịu một nửa số nợ là 90.519.000 đồng bà L có trách nhiệm chịu một nửa số nợ là 90.519.000 đồng. Đối với số tiền nợ ngân hàng chính sách xã hội thì trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì chị L đã trả số nợ này cho ngân hàng chính sách xã hội nên anh C có trách nhiệm phải trả cho chị L nhưng được khấu trừ vào tài sản anh C được nhận; đối với khoản nợ 70.000.000 đồng do chị L vay của chị Lê Thị T để đóng học phí và mua đồ nghề cho con học nghề thì xác định khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân và anh C và chị L cũng đồng ý khoản nợ này là khoản nợ chung nên anh C và chị L thỏa thuận trừ vào tài sản chung nên được chấp nhận nhưng tại phiên tòa hôm nay chị T chưa có nhu cầu đòi lại số tiền cho chị L vay và cũng không yêu cầu độc lập trong vụ án này. Nếu sau này chị T có yêu cầu thì sẽ khởi kiện một vụ án khác đối với chị L.

+ Các khoản nuôi con chung trong hôn nhân:

. Đóng thế chân cho cháu D học nghề là: 50.000.000 đồng (có hợp đồng kèm theo). Ghi nhận sự thỏa thuận của anh C và chị L là cho cháu D số tiền thế chân khi hoàn thành khóa học.

. Tiền mua xe SH cho cháu X đi học là 61.500.000 đồng (có kèm theo giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô – phổ tô kèm theo). Tại phiên tòa Chị L không yêu cầu nữa nên không xem xét.

-Về án phí: Buộc bà L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tài sản mình được nhận, bà L phải chịu án phí dân sự trả nợ cho bà B là 50.000.000 đồng.

Ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tài sản mình được nhận, ông C phải chịu án phí dân sự trả nợ cho bà B đối với số tiền nợ là 50.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Việc khởi kiện tranh chấp ly hôn và chia tài sản khi ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Chư Păh là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai được quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: *Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thấy rằng* Quan hệ hôn nhân giữa chị L với anh C là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Từ khoảng tháng 7/2016, anh C và chị L xảy ra mâu thuẫn, do anh C ngoại tình với người phụ nữ khác. Từ cuối năm 2016 đến nay anh C và chị L ở riêng nhau, phần ai tự lo, không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Vì vậy, mâu thuẫn vợ chồng càng ngày càng trở nên trầm trọng. Tòa án đã tổ chức hòa giải nhưng không thành. Anh C và chị L tự nguyện thỏa thuận tình ly hôn. **Căn cứ Điều 55 luật hôn nhân và gia đình Điều 213; Điều 246 Bộ Luật tố tụng dân sự công nhận sự thuận tình ly hôn của chị L với anh C.**

[3] Về con chung: Chị L và anh C có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1997 và Nguyễn Thị Lương X, sinh ngày 03/5/1999. Hai con đã thành niên và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân. Hiện 2 con chung đang ở với chị L nhưng chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật, Tòa án không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh C, chị L có 01 căn nhà cấp 4, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 255648 do UBND huyện Chư Păh cấp ngày 13/9/2004 đứng tên bà Tống Thị C, chuyển nhượng toàn bộ cho bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Văn C ngày 27/10/2005. Hai bên thống nhất giá trị tài sản chung này là 240.000.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi triệu đồng*), trừ đi số tiền 11.000.000 đồng vay Ngân hàng chính sách mà chị L đã trả và 70.000.000 đồng tiền chị L đã vay cho con học nghề, còn lại 159.000.000 đồng anh C đề nghị chia đôi. Hiện tại các con và chị L đang ở căn nhà trên nên anh C đồng ý chị L sở hữu căn nhà và đất, chị L thanh toán lại bằng tiền 79.500.000 đồng cho anh C. Xét việc thỏa thuận này của chị L, anh C hoàn toàn

tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, đạo đức xã hội, phù hợp với giá trị tài sản tại địa phương nên được chấp nhận.

[5] Về nợ chung:

-Đối với khoản nợ Ngân hàng chính sách xã hội: Ngày 07/02/2018, chị Phạm Thị L đã trả hết số tiền nợ gốc và lãi vay cho Ngân hàng chính sách xã hội rồi, Ngân hàng chính sách xã hội xin rút yêu cầu khởi kiện. Việc rút yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội là tự nguyện nên HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội.

-Đối với khoản nợ bà Phạm Thị B: Anh C, chị L, anh P (đại diện theo ủy quyền của bà B) thỏa thuận còn nợ bà Phạm Thị B 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) không tính tiền lãi, anh C và chị L đồng ý mỗi người trả 50% số nợ trên. Nên buộc anh C phải trả cho bà B 50.000.000 đồng và chị L phải trả cho bà B 50.000.000 đồng.

-Đối với yêu cầu anh C trả số tiền 131.500.000 đồng. Tại phiên tòa anh C và chị L thống nhất trừ 70.000.000 đồng tiền nợ cho con học nghề vào tài sản chung, chị L có trách nhiệm trả khoản nợ này. Còn lại 61.500.000 đồng nợ mua xe máy cho con chị L tự nguyện rút yêu cầu, đây là việc tự nguyện của chị L, anh C nên được chấp nhận.

Vậy tổng số giá trị tài sản chung của chị L, anh C còn lại được chia sau khi trừ đi các khoản nợ chung là 59.000.000 đồng ($240.000.000 - 181.000.000 = 59.000.000$ đồng). Mỗi người được 29.500.000 đồng.

[6] Về án phí: Do anh C và chị L thuận tình ly hôn nên chỉ phải chịu 50% mức án phí ly hôn là 150.000 đồng. Chị L tự nguyện chịu toàn bộ, anh C đồng ý, nên chấp nhận cho chị L chịu án phí này.

Về án phí chia tài sản chung: Chị L và anh C mỗi người được chia giá trị phần tài sản là 29.500.000 đồng đồng, nên chị L và anh C mỗi người phải chịu mức án là 1.475.000 đồng.

Về án phí trách nhiệm trả nợ: Chị L và anh C mỗi người phải trả số tiền nợ là 50.000.000 đồng, nên chị L và anh C mỗi người phải chịu mức án là 2.500.000 đồng.

Yêu cầu của bà Phạm Thị B được chấp nhận nên bà B không phải chịu án phí, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà B.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227, Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 33, Điều 38, Điều 39, Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 59, Điều 62 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Điều 274, Điều 280, Điều 287 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của UBTVQH14:

Xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của chị Phạm Thị L với anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Hai con chung của chị L và anh C đã thành niên và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân, chị L và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận về giá trị tài sản chung sau khi đã trừ nghĩa vụ chung còn lại của chị L với anh C là 159.000.000 đồng (*trong đó chưa trừ khoản nợ của bà Bến*)

Chị L được sở hữu quyền sử dụng đất và căn nhà cấp 4 gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 143, tờ bản đồ 10, địa chỉ thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 255648 do UBND huyện Chư Păh cấp ngày 13/9/2004 đứng tên bà Tổng Thị C, chuyển nhượng toàn bộ cho bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Văn C ngày 27/10/2005.

Chị Phạm Thị L phải trả lại giá trị chênh lệch đối với tài sản chung cho anh Nguyễn Văn C số tiền 79.500.000 đồng .

Chị L có trách nhiệm liên hệ các cơ quan chức năng thực hiện chuyển quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị B;

- Buộc anh Nguyễn Văn C phải trả cho bà Phạm Thị B 50.000.000 đồng.

- Buộc chị Phạm Thị L phải trả cho bà Phạm Thị B 50.000.000 đồng.

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành.

5. Áp dụng Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội khởi kiện buộc chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn C phải trả số tiền 11.000.000 đồng nợ gốc và lãi vay cho Ngân hàng chính sách xã hội.

6. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp tại Biên lai số 0002448 ngày 20/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Păh. Số tiền còn lại được bảo lưu đảm bảo thi hành án.

-Chị Phạm Thị L phải nộp án phí của giá trị phần tài sản được chia là 1.475.000 đồng, án phí của nghĩa vụ trả nợ là 2.500.000 đồng. Tổng cộng chị L

phải nộp án phí là 3.975.000 đồng, được trừ 2.500.000 đồng số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp tại Biên lai số 0002449 ngày 20/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Păh. Số tiền còn lại 1.475.000 đồng chị L phải tiếp tục nộp.

- Anh Nguyễn Văn C phải nộp án phí của giá trị phần tài sản được chia là 1.475.000 đồng và án phí của nghĩa vụ trả nợ là 2.500.000 đồng. Tổng cộng anh C phải nộp án phí là 3.975.000 đồng.

-Trả lại bà Phạm Thị B số tiền tạm ứng án phí 3.650.000 đồng do anh Phạm Văn P nộp theo biên lai số 0002567 ngày 31/8/2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Păh

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Trường hợp được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện ChưPăh;
- Thi hành án DS Chư Păh;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Chư Sê; H. Chư Sê;
- Lưu HSVA.

Nguyễn Văn Bảo